

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Bình trước kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XV

Thực hiện Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 27/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội; Hướng dẫn số 48/HD-UBTVQH15 ngày 29/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội trong tình hình phòng, chống dịch bệnh Covid-19; do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nên Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh không tổ chức tiếp xúc cử tri bằng hình thức trực tiếp mà triển khai thông tin về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, kết hợp thu thập kiến nghị của cử tri bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với tình hình, điều kiện.

Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tâm tư, nguyện vọng của cử tri

Cử tri và Nhân dân bày tỏ sự phấn khởi, tin tưởng, ghi nhận và đánh giá cao sự lãnh đạo của Đảng; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, các bộ, ngành liên quan, nhất là Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và chính quyền địa phương các cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, kết hợp triển khai thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Cử tri cho rằng, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác phòng chống dịch Covid-19; đặc biệt là các gói hỗ trợ kịp thời của Chính phủ đối với các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch đã thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta đối với Nhân dân, giúp người dân vượt khó khăn do dịch bệnh.

Tuy nhiên, cử tri vẫn còn nhiều băn khoăn, lo lắng trước tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp ở nhiều nơi và có nguy cơ kéo dài, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, kinh doanh của Nhân dân. Đặc biệt, tại các khu vực phong tỏa, khu vực thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg và Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa trên địa bàn khó khăn, các sản phẩm nông, lâm, hải sản của nông dân chủ yếu tiêu thụ tại chỗ, mức tiêu thụ và giá thành thấp, ảnh hưởng nhiều đến thu nhập. Bên cạnh đó, tại Quảng Bình

và một số tỉnh miền Trung, do ảnh hưởng của cơn bão số 5 vào đầu tháng 9 trên địa bàn có mưa to diện rộng, một số diện tích lúa, màu của bà con chưa kịp thu hoạch hư hỏng, gây thiệt hại lớn về kinh tế.

Từ những vấn đề đặt ra, nguyện vọng chung của cử tri và Nhân dân tỉnh Quảng Bình là mong muốn Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp tiếp tục tăng cường chỉ đạo thực hiện quyết liệt “mục tiêu kép” đã đề ra; tiếp tục nghiên cứu để có các giải pháp phù hợp, khả thi nhằm sớm khống chế, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19, khôi phục các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, lưu thông hàng hóa để tạo đà tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện bình thường mới. Quan tâm ưu tiên hỗ trợ về tài chính và các điều kiện phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho các tỉnh có thu nhập thấp nhưng có nguy cơ, chịu sự tác động, ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh và thiên tai bão, lũ. Tập trung giải quyết việc làm cho người lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch bệnh để giúp họ có thu nhập, ổn định cuộc sống, qua đó ngăn ngừa sự phát sinh và gia tăng các tệ nạn, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Kết quả tiếp xúc cử tri

Đoàn ĐBQH tỉnh đã phối hợp với UBMTTQVN các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan; UBMTTQVN các cấp huyện, xã phối hợp với các cơ quan tuyên thông cơ sở để thông tin về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; đồng thời thu thập, tổng hợp các ý kiến phản ánh, kiến nghị cũng như tâm tư, nguyện vọng của cử tri gửi đến UBMTTQVN các cấp. Bên cạnh đó, Đoàn ĐBQH tỉnh cũng đã gửi văn bản đến Thường trực HĐND và UBND các cấp; các sở, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh yêu cầu rà soát, phát hiện những bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật để tổng hợp các kiến nghị, đề xuất gửi đến Đoàn ĐBQH tỉnh. Ngoài ra, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình còn thông qua Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình cung cấp địa chỉ email của Đoàn để tiếp nhận thêm các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Mặc dù không thực hiện việc tiếp xúc cử tri trực tiếp nhưng Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình đã vận dụng linh hoạt các biện pháp thu thập ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri nên đã tiếp nhận được nhiều ý kiến phản ánh, kiến nghị liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm trả lời, giải quyết của các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương.

II. KIẾN NGHỊ CỤ THỂ CỦA CỬ TRI

1. Đối với Quốc hội

1.1. Về hoạt động giám sát

1. Cử tri đề nghị Quốc hội, Đoàn ĐBQH và ĐBQH tăng cường hơn nữa vai trò giám sát đối với công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, triển khai xây dựng các công trình, dự án đầu tư công.

1.2. Về hoạt động lập pháp, cử tri phản ánh, kiến nghị:

2. Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật này quy định dự án khai thác mỏ không thuộc đối tượng thu hồi đất; mặt khác, Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng không quy định các điều kiện về thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

theo đó, doanh nghiệp khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án khai thác mỏ đã trúng đấu giá. Thực tế có rất nhiều trường hợp doanh nghiệp đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng không thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được nên không thể triển khai dự án; hoặc muốn dự án được triển khai, doanh nghiệp phải bỏ ra chi phí khá lớn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cử tri cho rằng, việc quy định dự án khai thác mỏ không thuộc đối tượng thu hồi đất đã gây khó khăn và tốn kém cho doanh nghiệp, tạo vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về xử lý cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền đấu giá; đồng thời đề nghị Quốc hội khi xem xét sửa đổi Luật Đất đai cần chú trọng sửa đổi quy định trên theo hướng: Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để cho nhà đầu tư thuê đất sau khi được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; yêu cầu Chính phủ xem xét chỉ đạo sửa đổi các văn bản hướng dẫn thực hiện cho phù hợp.

3. Tại Điều 74 Luật Khoáng sản quy định lập đề án đóng cửa mỏ đối với tất cả các loại hình khai thác mỏ là chưa phù hợp với các mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; vì trong hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản đã có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo đó, sau khi kết thúc khai thác mỏ, chủ dự án chỉ cần thực hiện theo đúng phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt để báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ. Việc phải lập đề án đóng cửa mỏ đối với các trường hợp khai thác mỏ này chỉ lập lại hồ sơ, gây tốn kém cho doanh nghiệp. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi quy định này phù hợp hơn, tránh gây tốn kém cho doanh nghiệp.

4. Theo quy định của Luật Đầu tư thì các trường hợp trúng đấu giá, đấu thầu sẽ không thực hiện chủ trương đầu tư; tuy nhiên, đối với các trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hiện nay phải thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư là không phù hợp, làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đầu tư theo hướng không thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các trường hợp cấp phép khai thác khoáng sản, kể cả các trường hợp đấu giá và không qua đấu giá.

5. Việc thực hiện Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp còn nhiều bất cập, do có những quy định không đồng bộ dẫn đến không rõ trách nhiệm quản lý, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện. Từ thực tiễn áp dụng luật, cử tri đề nghị Quốc hội sớm rà soát để sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Luật Đất đai về các nội dung như: thống kê đất, trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất phải thống nhất, đồng bộ với nội dung thống kê rừng, giao rừng, cho thuê rừng của Luật Lâm nghiệp.

6. Các quy định về hoạt động quy hoạch xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý theo quy hoạch được quy định trong Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị có bố cục và nội dung tương đồng. Qua thực tiễn áp dụng luật, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét nên đưa các nội dung liên quan đến quy hoạch xây dựng tại 02 Luật này vào một Luật chung để việc quy định, áp dụng luật được thống nhất và dễ hiểu.

7. Tại Mục 4, Điều 34, Luật Xây dựng 2014, quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng

cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt”. Theo quy định nêu trên, tất cả các quy hoạch chi tiết xây dựng (kể cả các quy hoạch chi tiết xây dựng có quy mô nhỏ thực hiện theo đúng định hướng quy hoạch chung, quy hoạch phân khu) phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; việc này ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ, thời gian lập quy hoạch. Theo đó, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi điều luật này theo hướng chỉ nên điều chỉnh, giới hạn phạm vi thực hiện đối với quy hoạch chung trở lên, hoặc quy hoạch có tính chất quan trọng, ảnh hưởng lớn, mang tính động lực.

8. Tại Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị quy định trách nhiệm tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch đô thị: Đối với trường hợp đồ án quy hoạch là Quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh, có phạm vi nghiên cứu, lập quy hoạch bao gồm cả địa giới hành chính của đô thị và vùng phụ cận của các địa phương cấp huyện lân cận nên có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên (thuộc dạng quy hoạch chung liên huyện); tuy vậy, chưa quy định rõ trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch thuộc cơ quan nào? và với đồ án quy hoạch này phải trình HĐND cấp tỉnh hay cấp huyện quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt? Từ bất cập trên, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi quy định này tại Luật Quy hoạch đô thị để các nội dung trên được rõ hơn; hoặc yêu cầu Chính phủ có hướng dẫn cụ thể.

9. Theo quy định tại Điều 19 và Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị thì việc tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu vực trong đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế một số đô mới được quy hoạch, trong đó bao gồm cả khu vực dân cư hiện hữu đã được đầu tư xây dựng và quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Vì vậy, để phù hợp với thực tiễn, giảm áp lực về khối lượng công việc cho cơ quan cấp tỉnh, tăng tính chủ động cho cấp huyện trong việc chỉnh trang các khu vực hiện hữu thuộc khu vực đô thị mới, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi các quy định trên tại Luật Quy hoạch đô thị theo hướng điều chỉnh phân cấp như sau: *“UBND tỉnh được phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết một số khu vực trong đô thị mới”*.

10. Tại Điều 53 Luật Quy hoạch đô thị (văn bản hợp nhất) quy định về việc Công bố công khai quy hoạch đô thị và tại Điều 42 của Luật Xây dựng quy định hình thức công bố công khai quy hoạch xây dựng; việc quy định hình thức công bố công khai quy hoạch tại 02 Luật như nêu trên là chưa thống nhất. Theo cử tri, đối với các đồ án Quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu thì việc thực hiện công bố công khai quy hoạch theo quy định tại các Điều 53 của Luật Quy hoạch đô thị, Điều 42 của Luật Xây dựng là cơ bản hợp lý; tuy nhiên, đối với các đồ án quy hoạch chi tiết việc thực hiện đầy đủ các hình thức công bố công khai quy hoạch theo quy định tại Điều 53 của Luật Quy hoạch đô thị là quá nhiều và phức tạp, gây tốn kém và lãng phí. Từ bất cập trên, cử tri đề nghị Quốc hội nghiên cứu điều chỉnh quy định về việc công bố công khai quy hoạch để đảm bảo sự thống nhất giữa 02 Luật nói trên và phù hợp với từng loại đồ án quy hoạch.

11. Tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị không quá 24 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ; trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không

quá 24 giờ (tổng thể là 48 giờ). Trên thực tế, đối với những vụ việc vi phạm có tang vật không thể áp dụng được các căn cứ để xác định giá trị thì cần phải thành lập Hội đồng định giá và cần có thời gian để mời các thành viên Hội đồng gồm đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan; theo đó, với thời gian quy định tối đa không quá 48 giờ là không phù hợp và không khả thi. Từ thực tiễn áp dụng luật, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi quy định này tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính theo hướng kéo dài thêm thời hạn định giá tang vật vi phạm hành chính để phù hợp với tình hình thực tế.

12. Việc thực hiện quy định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính rất khó khăn, do quy định về thủ tục liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị. Các cơ quan chức năng thường áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền, kê biên tài sản nhưng đối tượng bị cưỡng chế không cung cấp thông tin về tài khoản, hoặc có tài khoản nhưng không có tiền trong tài khoản; hoặc không có tài sản gì để kê biên vì địa điểm, trụ sở, trang thiết bị, phương tiện kinh doanh đều thuê, mượn. Bên cạnh đó, người vi phạm có nhiều thủ đoạn đối phó để trốn tránh trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt; nhiều tổ chức, cá nhân sau khi bị xử phạt đã chấm dứt hoạt động. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét bổ sung điều luật quy định các thủ tục liên quan đến việc thực hiện cưỡng chế trong Luật Xử lý vi phạm hành chính để áp dụng phù hợp trong thực tế.

13. Tại Điều 26 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hóa, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức”. Tuy vậy, trên thực tế việc chứng minh hành vi vi phạm do lỗi cố ý là rất khó, nhiều trường hợp cá nhân, tổ chức bị lợi dụng vận chuyển hàng hóa nhưng không biết được chính xác là vận chuyển hàng hóa gì. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét bổ sung quy định này, làm rõ các khái niệm “lỗi cố ý” và “lỗi vô ý” vi phạm hành chính để thống nhất trong quá trình xử lý vi phạm hành chính.

14. Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa có quy định thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và thời hạn ra Quyết định xử phạt trong trường hợp phải thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc đối với “sự kiện bất khả kháng” như: thiên tai, dịch bệnh... Việc xác minh tình tiết trong trường hợp này rất khó thực hiện vì trên thực tế nhiều đối tượng vi phạm hành chính ở những vùng bị thiên tai, dịch bệnh bị cách ly hoặc phong tỏa không thể ra khỏi địa phương để đến làm việc trực tiếp tại trụ sở của cơ quan đang xử lý vụ việc, hoặc không thể ủy quyền cho người đại diện đến làm việc với cơ quan đang xử lý vụ việc. Theo đó, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét, bổ sung quy định về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp “sự kiện bất khả kháng”.

15. Hiện tại các văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử chưa được hoàn thiện, quy định thiếu cụ thể, một số hành vi vi phạm chưa có quy định xử phạt, như: Người kinh doanh trong nước thông qua mạng xã hội, website thương mại điện tử để xuất bán hàng hóa ra nước ngoài; hành vi trưng bày, giới thiệu sản phẩm trên các trang thương mại điện tử, mạng xã hội là hàng

cấm, hàng giả, hàng nhập lậu, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ...; hành vi tham gia mua bán trực tuyến trên các trang mạng xã hội facebook, zalo... Cử tri đề nghị Quốc hội xem xét bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính nói trên vào Luật Xử phạt vi phạm hành chính.

16. Quy định về vị trí, chức năng của lực lượng Quản lý thị trường tại Điều 7 Pháp lệnh Quản lý thị trường không còn phù hợp với một số văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền xử phạt của lực lượng Quản lý thị trường, như: Lĩnh vực bảo vệ môi trường, lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, lâm nghiệp... Mặt khác, tại điểm a và b khoản 4 Điều 27 quy định về thời hạn thẩm tra, xác minh chưa phù hợp với thực tiễn thực hiện biện pháp nghiệp vụ, thu thập, thẩm tra, xác minh. Theo đó, cử tri đề nghị Quốc hội rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định thẩm quyền xử phạt của lực lượng Quản lý thị trường để sửa đổi quy định về vị trí, chức năng của lực lượng này tại Pháp lệnh cho phù hợp; nghiên cứu bổ sung vào khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh quy định: *“thời gian cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm nghiệm, giám định, có ý kiến chuyên môn không tính vào thời hạn thẩm tra, xác minh”*.

17. Tại Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp quy định nội dung Phiếu Lý lịch tư pháp số 2, *đối với người đã từng bị kết án thì ghi đầy đủ án tích đã được xóa...* và Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 cũng có thể cấp cho cá nhân có yêu cầu (điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp). Quy định này đã tạo kẽ hở cho một số tổ chức nước ngoài khi tiếp nhận hồ sơ của công dân Việt Nam đều yêu cầu Phiếu Lý lịch tư pháp số 2. Do đó, có những trường hợp, mặc dù “đã được xóa án tích” nhưng theo quy định phải ghi đầy đủ án tích đã được xóa vào Phiếu Lý lịch tư pháp nên khi tiếp nhận hồ sơ (chủ yếu là xuất khẩu lao động, du học, định cư, thăm thân nhân ở nước ngoài...) những trường hợp này gặp khó khăn khi làm thủ tục vì “đã từng bị kết án”. Trong khi đó, theo quy định của Bộ luật Hình sự thì “Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án”. Vì vậy, với việc quy định trên dẫn đến không phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, pháp luật về hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan, chưa tạo điều kiện cho người “đã từng bị kết án” quên đi mặc cảm về tội lỗi của mình để hòa nhập vào cộng đồng cũng như tạo thuận lợi trong cuộc sống, nhất là các hoạt động có yếu tố nước ngoài.

Theo đó, cử tri đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp theo hướng không cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 cho người có yêu cầu mà chỉ cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Đối với Chính phủ

2.1. Về công tác phòng, chống Covid-19; cử tri kiến nghị:

18. Hiện nay ngoài mức hỗ trợ 50% từ ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các địa phương phòng, chống dịch Covid-19 theo cơ chế quy định tại Quyết định 482/QĐ-TTg thì tỉnh Quảng Bình đã sử dụng hết 50% nguồn dự toán dự phòng ngân sách địa phương, 70% Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và nguồn cắt giảm chi thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính để tập trung nguồn lực thực hiện phòng, chống dịch Covid-19. Sau khi rà soát lại dự toán ngân sách thì thấy một số nội dung chi trước mắt chưa thật sự cần thiết có thể cắt giảm để tập trung nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, Trung ương chưa có cơ chế để địa phương chủ động được sử dụng tất cả các nguồn nhân rồi, bao gồm nguồn vốn đầu tư phát triển

để chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Từ yêu cầu của thực tiễn, cử tri đề nghị Chính phủ xem xét có cơ chế cho địa phương sử dụng tất cả các nguồn nhân rỗi, kể cả chi đầu tư để chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19.

19. Theo các quy định hiện hành thì việc khám, điều trị các trường hợp dương tính với Sars-Cov2 sẽ được ngân sách nhà nước đảm bảo; tuy nhiên, hiện tại chưa có quy định chế độ hỗ trợ từ NSTW cho các địa phương phân kinh phí khám chữa bệnh này. Cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, có chính sách cho phép Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh do Covid-19 trong phạm vi được hưởng theo mức hưởng bảo hiểm y tế đối với người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế; ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đồng chi trả các chi phí ngoài phạm vi bảo hiểm y tế chi trả và chi phí khám chữa bệnh do Covid-19 đối với người bệnh không có thẻ bảo hiểm y tế theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19 theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

20. Do sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 nên tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu gặp rất nhiều khó khăn, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận không đạt so với kế hoạch vì khối lượng thực hiện bị cắt giảm. Cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu phải thực hiện nhiệm vụ trong đại dịch Covid-19 tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, như: Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, các khoản thuế, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp để trang cấp bổ sung các phương tiện phòng hộ cá nhân cho người lao động...

21. Đề nghị Chính phủ tiếp tục tăng cường tìm kiếm nguồn vacxin phòng dịch Covid-19 và chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng để sớm tạo sự miễn dịch cộng đồng; chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, kết hợp có chính sách hỗ trợ người lao động hồi hương tránh dịch trở lại các nhà máy, khu công nghiệp để làm việc khi nhà máy, khu công nghiệp hoạt động trở lại.

22. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các địa phương chưa có sở cỡ hỏa táng nhanh chóng đầu tư xây dựng để chủ động xử lý người chết do dịch bệnh theo đúng quy định của pháp luật về phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường; đồng thời, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn khi đất đai dành cho việc làm nghĩa địa chôn cất người chết ngày càng hạn chế, trong khi nhu cầu được hỏa táng khi chết của người dân ngày càng nhiều và có xu hướng trở thành phổ biến.

23. Hiện tại các cơ sở khám chữa bệnh rất khó phân định rõ ràng các chi phí điều trị bệnh nhân bị nhiễm Covid-19 do ngân sách nhà nước chi trả và các chi phí khám chữa bệnh khác do quỹ bảo hiểm y tế chi trả; đặc biệt là trong giai đoạn bệnh nhân có chuyển biến nặng, một số loại thuốc tại hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nhân bị Covid-19 do Bộ Y tế ban hành nhưng chưa được liệt kê. Cử tri đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp xem xét, sớm có văn bản hướng dẫn để có cơ sở triển khai đến các đơn vị khám chữa bệnh.

24. Đề nghị Chính phủ có chính sách hỗ trợ trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, đặc biệt là giảm thuế TNDN, thuế GTGT; miễn giảm tiền thuê đất cho kỳ thuế năm 2021 và có lộ trình phù hợp để thực hiện miễn giảm tiền thuế TNDN, thuế GTGT tiền thuê đất từ năm 2021 đến 2023 để các cá nhân, tổ chức, doanh

nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 có điều kiện phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch, thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

25. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hầu hết các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng và gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh; đề nghị Chính phủ tiếp tục có chủ trương giảm lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp nói chung; đồng thời được cơ cấu thời hạn trả nợ gốc, lãi vay và miễn, giảm lãi suất cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng gây thiệt hại lớn do dịch bệnh.

2.2. Về chế độ, chính sách và một số nội dung khác; cử tri kiến nghị:

26. Cử tri tiếp tục phản ánh và đề nghị Chính phủ quan tâm điều chỉnh nâng mức lương cho những người nghỉ hưu từ năm 1993 trở về trước, hoặc có chính sách hỗ trợ phù hợp, vì mức lương hưu của đối tượng này quá thấp, không đảm bảo được cuộc sống hàng ngày.

27. Bản Cà Xen, thuộc xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình có 59 hộ với 197 khẩu là người dân tộc Chứt, thuộc tộc người Mã Liềng, 100% là hộ nghèo. Đời sống chủ yếu săn bắn, hái lượm và phụ thuộc vào trợ cấp của Nhà nước. Tuy vậy, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025 và Quyết định 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021- 2025 thì Bản Cà Xen không được công nhận là thôn, bản đặc biệt khó khăn. Đề nghị Chính phủ và các ngành chức năng xem xét đưa Bản Cà Xen vào lại danh sách bản đặc biệt khó khăn.

28. Các xã miền núi huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vừa được đưa ra khỏi Chương trình 135 (vào tháng 6/2021) hiện đang đối diện với khó khăn về mọi mặt. Theo đó, cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, cần tiếp tục hỗ trợ các xã này kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng và có thể giảm dần mức hỗ trợ hàng năm. Về chính sách an sinh xã hội, do đã ra khỏi đối tượng thụ hưởng Chương trình 135 nên người dân không còn được hỗ trợ về BHYT 100% như trước; vì vậy, cử tri mong muốn Chính phủ xem xét có thể hỗ trợ BHYT 100% cho các đối tượng là học sinh, sinh viên để giảm gánh nặng cho hộ gia đình.

29. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và các địa phương tiếp tục bảo lưu chi trả lương, phụ cấp chức vụ cho cán bộ dôi dư sau sáp nhập đơn vị hành chính; đồng thời, kéo dài thời gian lộ trình sắp xếp cán bộ dôi dư chậm nhất sau 60 tháng kể từ ngày có Quyết định thành lập tổ chức, theo Hướng dẫn số 28-HD/BTCTW ngày 20/02/2020 của Ban tổ chức Trung ương.

2.3. Về sửa đổi, bổ sung quy định tại một số văn bản QPPL; cử tri kiến nghị:

30. Hiện nay, việc quy định về thẩm quyền cho phép thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở tại các dự án Khu nhà ở thương mại, khu đô thị theo quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của

Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị có một số nội dung chồng chéo, gây khó khăn trong việc áp dụng.

Cụ thể, tại khoản 3 Điều 41 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức công bố công khai các khu vực được thực hiện dự án xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trước khi tổ chức thực hiện các dự án đầu tư”. Theo quy định này thì UBND cấp tỉnh được phép công bố khu vực phân lô bán nền mà không cần phải xin ý kiến của Bộ Xây dựng. Trong khi đó, tại Khoản 7, Điều 4, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị quy định: “7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể những khu vực được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng”; theo đó, tại Điều 11, Thông tư Liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV quy định: “1. Tùy theo nhu cầu phát triển đô thị, khả năng huy động các nguồn lực, đề xuất của chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các khu vực được chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân (hộ gia đình, cá nhân) tự xây dựng nhà ở, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP...”. Tuy nhiên, đến nay các quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực thi hành nên gây chồng chéo, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP về trách nhiệm thực hiện ghi rõ: “Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định này và rà soát các văn bản đã ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của Nghị định này”. Theo đó, đề nghị Chính phủ xem xét bãi bỏ nội dung: “sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng” tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; đồng thời yêu cầu Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ xem xét sửa đổi quy định tại Điều 11 Thông tư Liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV cho phù hợp để thống nhất với quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP.

31. Tại khoản 3, Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP) quy định trường hợp tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp thì phải có văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp. Cừ tri cho rằng, quy định trên làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, gây phiền hà cho doanh nghiệp; đồng thời đề nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi theo hướng lồng ghép nội dung này vào thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư nhằm giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

32. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 (đối với các trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại Điều 110 của Luật Đất đai thì thực hiện việc giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất), UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều quyết định chấp thuận chủ

trương đầu tư cho các dự án đầu tư sử dụng đất vào mục đích thương mại, dịch vụ không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư đã thực hiện rất nhiều thủ tục có liên quan trước khi thuê đất như: đo đạc, chỉnh lý địa chính; lập quy hoạch chi tiết; các thủ tục về môi trường..., thậm chí một số nhà đầu tư vì quyết tâm thực hiện dự án đã đi trước một bước trong thỏa thuận bồi thường tài sản cho người dân.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 12, Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì đối với các dự án được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 110 Luật Đất đai mà sử dụng đất vào mục đích thương mại, dịch vụ thì cũng phải thực hiện việc cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 thì các dự án đầu tư chưa được cho thuê đất trước ngày Nghị định số 148/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 08/02/2021) thì phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Như vậy, đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích thương mại, dịch vụ đã được UBND tỉnh Quảng Bình chấp thuận chủ trương đầu tư mà chưa được giao đất, cho thuê đất trước ngày 08/02/2021 thì phải thực hiện lại theo quy định của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP (thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất). Vấn đề này sẽ gây khó khăn và tốn kém cho doanh nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư; khó khăn cho nhà nước về xử lý các chi phí mà doanh nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư đã bỏ ra nhưng không trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án. Từ khó khăn trên, cử tri đề nghị Chính phủ xem xét bổ sung quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP theo hướng: Đối với các dự án đã có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày 08/02/2021 thì được thực hiện cho thuê đất vào mục đích thương mại, dịch vụ theo chủ trương đầu tư đã được chấp thuận, không phải đấu giá quyền sử dụng đất.

33. Theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Luật Đất đai năm 2013, tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất. Tuy nhiên, về điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án đầu tư thì chưa có quy định. Cử tri đề nghị Chính phủ quy định cụ thể điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê liên quan đến dự án đầu tư để địa phương có căn cứ áp dụng thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

34. Theo quy định tại khoản 1, Điều 175 Luật Đất đai năm 2013, tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có quyền bán tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 189 Luật Đất đai, góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê; người mua tài sản, người nhận góp vốn bằng tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định. Tuy nhiên, về điều kiện của bên bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và điều kiện của người mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất liên quan đến dự án đầu tư thì chưa có quy định cụ thể. Cử tri đề nghị Chính phủ quy định cụ thể điều kiện của bên bán, bên góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và bên mua tài sản, bên nhận góp vốn bằng tài sản

gắn liền với đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm liên quan đến dự án đầu tư để địa phương áp dụng thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

35. Luật Đầu tư không quy định rõ việc thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư trước hay đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trước đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền đất thuê có liên quan đến dự án đầu tư. Cử tri đề nghị Chính phủ xem xét có quy định và hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

36. Tại Điểm b Khoản 4 Điều 2 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu quy định về điều kiện lựa chọn nhà thầu, trong đó nêu rõ để đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu thì: “Nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau”. Theo quy định này, các doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên 30% khi tham gia đấu thầu các công trình có vốn đầu tư ngân sách sẽ cạnh tranh không công bằng với các nhà thầu khác. Cử tri đề nghị Chính phủ có hướng dẫn cụ thể (tiêu chí để đảm bảo công bằng) nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên 30% tham gia đấu thầu.

37. Tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản quy định: “Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định tịch thu tài sản hoặc có quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản và trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 19 Nghị định này phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân”. Quy định trên là chưa phù hợp vì có những loại tài sản cần thời gian để kiểm nghiệm chất lượng (như đối với mặt hàng thực phẩm, mỹ phẩm, máy móc thiết bị...) mới có cơ sở để xây dựng phương án xử lý, gây khó khăn cho cơ quan chủ trì xử lý tài sản. Cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi quy định trên theo hướng tăng thêm thời hạn đối với các loại tài sản cần có thời gian kiểm nghiệm chất lượng.

38. Một số quy định của Luật Khoáng sản được cụ thể hóa tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP về Đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thông tư hướng dẫn hiện không phù hợp với Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, cử tri đề nghị Chính phủ sớm xem xét ban hành nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2012/NĐ-CP phù hợp với Luật Đấu giá tài sản.

39. Theo quy định của Luật Khoáng sản về công tác lập quy hoạch khoáng sản đối với các khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố gây khó khăn cho việc quản lý và cấp phép hoạt động khoáng sản. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Chính phủ giao UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ điều tra địa chất về khoáng sản đối với các điểm khoáng sản nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh bằng vốn ngân sách để khoanh định và công bố khu vực khoáng sản nhỏ lẻ để quản lý và cấp phép hoạt động nhằm phát triển nền kinh tế - xã hội của địa phương, vì đã có quy định hạn mức trữ lượng đối với quy mô mỏ nhỏ lẻ. Đồng thời, đề nghị quy định đơn giản thủ tục hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhằm giảm khó khăn cho nhà đầu tư, cụ thể: Bỏ thủ tục công khai tổ chức nộp hồ sơ đầu tiên trong thời hạn 01 tháng; chỉ quy định các dự án khai thác

khoảng sản có công suất trên 100.000m³/năm mới thực hiện đánh giá tác động môi trường, đối với trường hợp dưới 100.000m³/ năm chỉ cần lập kế hoạch bảo vệ môi trường là phù hợp.

40. Theo các quy định hiện hành thì sự liên kết, cập nhật giữa Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Luật Đất đai với Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng của ngành xây dựng chưa được quy định cụ thể quy hoạch nào trước, quy hoạch nào phải theo quy hoạch nào, gây khó khăn trong việc thực hiện. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, chỉ đạo nghiên cứu để có quy định, hướng dẫn cụ thể.

41. Đối với các đô thị, đô thị mới, khu chức năng, quy hoạch chung xây dựng xã đều được lập các đồ án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu với tầm nhìn dài hạn từ 10 năm đến 25 năm nên các định hướng về quy hoạch sử dụng đất phát triển các khu chức năng, đất xây dựng đô thị, đất xây dựng điểm dân cư nông thôn, hệ thống giao thông được nghiên cứu và định hướng trong các đồ án quy hoạch đảm bảo cho sự phát triển bền vững của các đô thị, các khu chức năng và các xã; các đồ án quy hoạch chung đều được thông qua Hội đồng nhân dân các cấp trước khi phê duyệt. Do đó, cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, chỉ đạo bổ sung quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về đất đai nội dung “*lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị*” nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý quy hoạch và quản lý đất đai.

3. Đối với Bộ Quốc phòng

42. Đề nghị Bộ Quốc phòng quan tâm giải quyết chế độ cho các đối tượng là bộ đội phục vụ nước bạn Lào từ năm 1962-1979 đã được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng Nhất, hạng Nhì và các đối tượng là sỹ quan xuất ngũ đã được Bộ Quốc phòng tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang các hạng 1, 2, 3.

4. Đối với Bộ Công an

43. Đề nghị Bộ Công an phối hợp các bộ, ngành liên quan quan tâm giải quyết chế độ, chính sách, công cụ hỗ trợ và phương tiện phục vụ công tác cho lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dân phố và Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP để đảm bảo quyền lợi cho lực lượng này.

44. Đề nghị Bộ Công an tăng cường điều tra, xác minh làm rõ hoạt động từ thiện của các nghệ sĩ trong thời gian qua; một mặt để có biện pháp bảo vệ những nghệ sĩ lao động chân chính, làm từ thiện giúp dân một cách công tâm, không vụ lợi nhưng bị các đối tượng xấu lợi dụng mạng xã hội để xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; mặt khác, phát hiện và xử lý nghiêm nghệ sĩ có hành vi lợi dụng uy tín, sự nổi tiếng của mình để trục lợi thông qua hoạt động từ thiện (nếu có), cũng như các đối tượng có các hành vi xúc phạm, vu khống nghệ sĩ trên không gian mạng.

5. Đối với Bộ Nội vụ

45. Tại Điểm a, khoản 3, Điều 16 Thông tư số 02/2021/TT-BNV quy định: Áp dụng quy định tại Chương II và Điều 14 Chương IV Thông tư này đối với viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc tuyển dụng, sử dụng và

quản lý viên chức. Cụ thể: Áp dụng ngạch chuyên viên cao cấp hoặc ngạch chuyên viên chính đối với viên chức được thực hiện theo yêu cầu của vị trí việc làm mà viên chức đang đảm nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền... Tuy vậy, thực tế tại địa phương, viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trước ngày Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ có hiệu lực (trước ngày 01/8/2021) chỉ áp dụng ngạch chuyên viên (Khoản 7, Điều 1, Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ), còn ngạch chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp chỉ áp dụng đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Mặt khác, Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ đã bãi bỏ Điều 1, Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ nên hiện nay, việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập gặp khó khăn trong việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng, xếp lương vì không có văn bản quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức làm việc ở các vị trí việc làm nói trên.

Từ bất cập nêu trên, cử tri đề nghị Bộ Nội vụ cần có Thông tư (hoặc văn bản dẫn chiếu) quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Đối với Thanh tra Chính phủ

46. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng có quy định Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi nhưng không quy định cụ thể về thời hạn định kỳ phải chuyển đổi đối với vị trí phải chuyển đổi mà giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quy định. Tuy vậy, đến nay, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ vẫn chưa công bố danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi chi tiết theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. Cử tri đề nghị Thanh tra Chính phủ tham mưu Chính phủ đôn đốc các bộ, ngành quan tâm sớm công bố danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi đối với từng vị trí cụ thể để có cơ sở thực hiện.

7. Đối với Bộ Tư pháp

47. Về nguyên tắc một quốc tịch và một số trường hợp ngoại lệ cho phép công dân Việt Nam có hai quốc tịch thì Luật Quốc tịch 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể. Tuy nhiên, trong thực tế một số trường hợp việc nhập quốc tịch Việt Nam cho trẻ em còn gặp nhiều khó khăn. Ví dụ như trường hợp trẻ sinh ra ở nước ngoài đã có quốc tịch nước ngoài về Việt Nam sinh sống, nay muốn nhập quốc tịch Việt Nam nhưng không thể thôi quốc tịch nước ngoài theo quy định pháp luật của một số nước.

Bên cạnh đó, Luật Quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định các loại giấy tờ cần phải có trước khi xin nhập quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, đối với các trường hợp người nước ngoài di cư tự do sang Việt Nam, chung sống với nhau như vợ chồng ở Việt Nam nhưng không đăng ký kết hôn, do không có các giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam và không có một số giấy tờ cần thiết để xin nhập quốc tịch Việt Nam, như: Giấy chứng nhận đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân... nên việc hoàn thiện hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam đối với các trường hợp nêu trên chưa thực hiện được.

Ngoài các vấn đề trên, về cách thức xác định quốc tịch Việt Nam của trẻ em, đặc biệt là xác định quốc tịch Việt Nam đối với trẻ em có một bên cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch thì “Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam”. Quy định việc cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con là vấn đề pháp lý đặt ra, nếu sự lựa chọn đó diễn ra vào thời điểm đăng ký khai sinh cho trẻ tại cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam thì quyền có quốc tịch Việt Nam của trẻ em sẽ được đảm bảo giải quyết theo quy định; nếu sự lựa chọn này diễn ra vào thời điểm đăng ký khai sinh cho trẻ tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và có văn bản chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì hoàn toàn phụ thuộc vào pháp luật nước ngoài và trong thực tế việc lựa chọn quốc tịch của một số nước không căn cứ vào sự thỏa thuận của bố và mẹ mà theo quốc tịch của bố và mẹ hoặc theo nơi sinh của trẻ.

Từ những vướng mắc trên, cử tri đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất Quốc hội, Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật liên quan cho phù hợp với tình hình thực tiễn, hoặc có hướng dẫn thực hiện. Trong đó lưu ý:

- Đối với trẻ em là con của công dân Việt Nam và người nước ngoài, đề nghị nghiên cứu, sửa đổi các quy định của pháp luật về quốc tịch theo hướng cho trẻ em được có quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ theo nguyên tắc huyết thống cho đến khi trẻ 18 tuổi sẽ lựa chọn quốc tịch.

- Đối với trẻ em chưa xác định được quốc tịch (để trống phần khai về quốc tịch trong Giấy Khai sinh), hiện nay đang sinh sống tại Việt Nam, có nguyện vọng có quốc tịch Việt Nam và thỏa mãn các điều kiện để được ghi quốc tịch Việt Nam thì xét ghi bổ sung “quốc tịch Việt Nam” vào Giấy Khai sinh cho trẻ mà không phải thực hiện thủ tục nhập quốc tịch theo quy định của Luật Quốc tịch.

- Đối với trẻ em có quốc tịch nước ngoài về Việt Nam cư trú ổn định, có nguyện vọng có quốc tịch Việt Nam thì đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu cho phép trẻ được nhập quốc tịch Việt Nam với các điều kiện, thủ tục, trình tự thuận lợi hơn.

- Xem xét, hướng dẫn nội dung thế nào là “trong trường hợp đặc biệt” để trình Chủ tịch nước cho giữ quốc tịch nước ngoài được quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch.

48. Luật Hộ tịch chưa quy định cụ thể như thế nào là “định cư ở nước ngoài” nên đã gây khó khăn trong việc phân định thẩm quyền giữa UBND cấp xã và cấp huyện. Cụ thể, Luật Hộ tịch quy định về thẩm quyền đăng ký kết hôn của UBND cấp huyện như sau: “Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài” và theo khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch quy định “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài”. Vậy thế nào là “sinh sống lâu dài ở nước ngoài”, hiện nay Luật Quốc tịch, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa hướng dẫn cụ thể vấn đề này.

Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn người Việt Nam kết hôn với công dân nước ngoài và sinh con ra ở nước ngoài, mang quốc tịch nước ngoài, sau đó ly hôn hoặc do một số lý do khác nên không thể chung sống với nhau nên đưa trẻ theo mẹ về Việt Nam sinh sống nhưng không có các giấy tờ chứng minh nhân thân, chưa nhập quốc tịch Việt Nam nên chưa được hưởng các quyền lợi tối thiểu của trẻ em, các quyền lợi về chăm sóc y tế, giáo dục không được đảm bảo. Đồng thời, có một số trường hợp công dân Việt Nam chung sống như vợ chồng với người nước ngoài nhưng không có giấy tờ chứng minh nhân thân, không đủ điều kiện kết hôn nên trẻ em sinh ra chưa được đăng ký khai sinh, không có quốc tịch, đã ảnh hưởng đến quyền được tham gia học tập, có bảo hiểm y tế... Hướng dẫn cụ thể hoặc xem xét việc cung cấp các mẫu phiếu giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của một số quốc gia cấp cho công dân của quốc gia đó sử dụng để đăng ký kết hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho các địa phương.

8. Đối với Bộ Tài chính

49. Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 quy định dịch vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư là đối tượng không chịu thuế; tuy vậy, theo quy định tại Luật số 31/2013/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT và Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì dịch vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư là đối tượng chịu thuế GTGT 10%. Theo đó, đối với các doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực dịch vụ công ích, như thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; trong điều kiện nguồn kinh phí đặt hàng thực hiện dịch vụ công ích về vệ sinh không đáp ứng được nhu cầu (các tuyến đường bê tông hóa, khối lượng rác thải phát sinh ngày càng tăng), nhưng vẫn phải trích một phần để nộp thuế nên gặp khó khăn. Cử tri đề nghị Bộ Tài chính xem xét, xin ý kiến Quốc hội, Chính phủ để bổ sung danh mục vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư vào đối tượng không chịu thuế GTGT để doanh nghiệp sử dụng kinh phí đó vào việc tăng khối lượng thực hiện đáp ứng nhu cầu công tác vệ sinh môi trường.

50. Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy

lợi: “Giá thành toàn bộ của sản phẩm, dịch vụ thủy công ích thủy lợi bao gồm toàn bộ các chi phí vận hành, chi phí bảo trì, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý và các chi phí thực tế hợp lý khác của toàn tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo từng biện pháp tưới tiêu hoặc loại hình sản phẩm, dịch vụ hoặc nội dung công việc”. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính ban hành khung giá vẫn áp dụng chính sách cũ nên giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi rất thấp so với thực tế. Trong khi đó các chi phí cho việc quản lý, vận hành các công trình công ích thủy lợi tăng cao (chi phí tiền điện, tiền công...) nên khiến cho hoạt động của tổ chức quản lý khai thác, vận hành công trình thủy lợi rơi vào khó khăn khi “thu không đủ chi”. Cử tri đề nghị Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành khung giá đảm bảo tính đúng, tính đủ các chi phí theo thực tế hiện hành.

51. Ngày 07/8/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg về việc tăng cường tiết kiệm điện, trong đó yêu cầu đối với hệ thống điện chiếu sáng công cộng phải “áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng; thay thế các đèn trang trí, đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm; hoàn thành lắp đặt Trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng công nghệ điều khiển tự động”. Ngày 13/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 280/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030. Căn cứ các văn bản trên, việc cải tạo hệ thống chiếu sáng hiện nay bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng, nâng cấp hệ thống quản lý chiếu sáng bằng trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng thông minh là hết sức cần thiết. Hiện nay có nhiều nhà đầu tư mong muốn được thực hiện hợp tác công tư trong đầu tư điện chiếu sáng công cộng sử dụng công nghệ chiếu sáng tiết kiệm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các đô thị và đạt mục tiêu tiết giảm năng lượng điện tiêu thụ. Việc tạo điều kiện để các nhà đầu tư tham gia là rất cần thiết trong điều kiện nguồn kinh phí đầu tư công còn hạn chế. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có cơ chế hoàn vốn từ ngân sách cho các nhà đầu tư. Vì vậy, cử tri đề nghị Bộ Tài chính xem xét đề xuất Chính phủ có cơ chế sử dụng ngân sách để hoàn trả hàng năm cho nhà đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tiết kiệm năng lượng bằng giá trị phần chênh lệch điện đối với hệ thống điện chiếu sáng thông thường hiện nay.

9. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

52. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu để có các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo kết nối, lưu thông, bao tiêu hàng hóa nông sản nhằm kịp thời tiêu thụ sản phẩm cho nông dân trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh; có chính sách hỗ trợ cho người nông dân (các trang trại, gia trại, các tàu khai thác thủy hải sản) bị thiệt hại trong sản xuất do ảnh hưởng của dịch bệnh để sớm khôi phục sản xuất; đồng thời, có chính sách đủ mạnh để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu ra của sản phẩm nông nghiệp, kết hợp tăng cường kiểm soát chất lượng, giá cả vật tư nông nghiệp giúp nông dân sản xuất có hiệu quả.

10. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

53. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chỉ đạo các bộ phận chức năng liên quan phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình nghiên cứu

bóc tách phần diện tích chồng nhau giữa đất của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và khu vực đất màu của người dân ở tại cửa động Phong Nha, thuộc thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; đồng thời chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan phân định rõ ranh giới đất nông nghiệp của 11 hộ dân có diện tích đất chồng lấn với diện tích Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tại khu vực Khe Môn để tạo điều kiện cho người dân làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

11. Đối với Bộ Giao thông vận tải

54. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, khảo sát và hỗ trợ kinh phí xây dựng cầu vượt sông Gianh đoạn từ trung tâm xã qua thôn Đồng Phú, xã Đồng Hóa, huyện Tuyên Hóa để tạo điều kiện cho Nhân dân đi lại được thuận tiện, nhất là học sinh đi lại học tập được an toàn về mùa mưa lũ. Đồng thời, có phương án nâng cấp, mở rộng Cầu Gianh để tránh ùn tắc và tai nạn giao thông.

55. Công thoát nước qua đường Hồ Chí Minh đoạn gần Nhà Văn hóa thôn Thanh Long, xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình làm cao hơn mặt bằng đất tự nhiên nên vào mùa mưa lũ nước khó thoát qua cống, gây ngập lụt cục bộ nhà ở, công trình phụ liên quan và hoa màu của một số hộ dân ở vùng lân cận. Cử tri đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra và sớm có biện pháp khắc phục trước mùa mưa lũ để tránh ngập lụt cục bộ gây thiệt hại tài sản, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

56. Bộ Giao thông vận tải xem xét đầu tư mở rộng tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, đoạn từ cầu Bùng xã Hưng Trạch đến cầu Xuân Sơn, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và đầu tư mở rộng tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, từ xã Phúc Trạch đến các thôn: Na - Trầm - Mé - Chày Lập thuộc thị trấn Phong Nha.

57. Trên địa bàn xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, cứ sau mỗi trận lũ thì tại một số tuyến đường bị xói lở với diện tích rất lớn, đặc biệt các đoạn đường nối với tuyến đường Hồ Chí Minh; một số đoạn thuộc tuyến đường Hồ Chí Minh chạy qua xã cũng có nguy cơ bị sạt lở. Cử tri đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo kiểm tra, kịp thời gia cố, khắc phục các điểm có nguy cơ sạt lở trên tuyến đường Hồ Chí Minh; đồng thời, có phương án hỗ trợ địa phương khắc phục gia cố một số đoạn đường nối với đường Hồ Chí Minh trước mùa mưa lũ sắp tới.

12. Đối với Bộ Xây dựng

58. Thông thường các khu vực của thành phố thường có cao độ trung bình thấp so với mực nước biển, trong lúc đó nơi tiếp nhận nước là biển, các sông ngòi, kênh mương trong thành phố chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi thủy triều với chế độ bán nhật triều và khi có mưa lớn thì cùng lúc thủy triều lên. Mặt khác, mức độ đô thị hóa cao, nhiều diện tích ao hồ, mặt nước đã bị thu hẹp đáng kể, một số kênh mương chưa được mở rộng làm giảm khả năng điều hòa nước cũng như khả năng thoát nước. Bên cạnh đó xu thế bê tông hóa đô thị ngày càng gia tăng, làm giảm khả năng thoát nước và lưu trữ nước tự nhiên, làm giảm nguồn bổ cập cho nước ngầm gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái đất. Từ đó làm tăng tốc độ dòng chảy bề mặt khi mưa lớn, rửa trôi đất cát, lá cây, rác từ mặt đường xuống hệ thống thoát nước gây tắc nghẽn, quá tải hệ thống, tình trạng ngập úng cục bộ xảy ra thường xuyên hơn. Từ thực tế trên, cử tri đề nghị Bộ Xây dựng xem xét xây dựng các Quy

chuẩn, Tiêu chuẩn hướng dẫn cụ thể đối với phương án thoát nước mưa bền vững, áp dụng hệ sinh thái thân thiện với môi trường.

59. Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng nhưng không có quy định cụ thể nào về việc sử dụng vật liệu tái chế từ chất thải rắn xây dựng. Quá trình đô thị hóa tăng nhanh nhưng không có quy định về sử dụng vật liệu tái chế từ chất thải rắn xây dựng sẽ gây ra quá tải của các bãi đổ chất thải rắn xây dựng và lãng phí nguồn tài nguyên, vì đó là vật liệu tái chế. Cử tri đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu ban hành quy định cụ thể đối với việc sử dụng vật liệu tái chế từ các chất thải rắn xây dựng.

13. Đối với Bộ Y tế

60. Đề nghị Bộ Y tế quan tâm chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu và sản xuất vacxin, thuốc điều trị dịch bệnh Covid-19 để chủ động hơn trong phòng, chống và điều trị dịch bệnh; công khai, minh bạch trong việc phân bổ vacxin Covid-19; theo dõi chặt chẽ việc phân bổ vacxin từ Trung ương đến địa phương, không để xảy ra tình trạng phân bổ theo cơ chế “xin-cho” nhằm đảm bảo tính kịp thời và công bằng giữa các địa phương, trên cơ sở có ưu tiên đối với những tỉnh, thành có nguy cơ cao.

61. Đề nghị Bộ Y tế quan tâm xem xét đề xuất Chính phủ bổ sung một số chế độ đặc thù cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm kịp thời động viên, tái tạo sức lao động trong điều kiện dịch bệnh có thể kéo dài, vì các đối tượng này thường xuyên phải làm thêm giờ, làm xuyên đêm, làm cả ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và với cường độ cao, thời gian dài (Bao gồm: đội ngũ y, bác sĩ tại các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh Covid-19; cán bộ, nhân viên y tế thuộc các trung tâm y tế, sinh viên y khoa và các lực lượng khác trong ngành y tế được giao nhiệm vụ điều tra truy vết, lấy mẫu, xét nghiệm; các đối tượng tham gia công tác đón tiếp, phân luồng tại các bệnh viện, các cơ sở khám, chữa bệnh Covid-19; các thành viên phục vụ trong các khu cách ly tập trung, tham gia các Chốt kiểm soát; các thành viên Tổ Covid-19 cộng đồng...).

14. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

62. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đã giúp cho nhiều đối tượng vượt qua khó khăn; tuy nhiên, đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 còn rất nhiều. Vì vậy, cử tri đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm đề xuất bổ sung thêm nhóm đối tượng được hỗ trợ như: ngư dân, tiểu thương, thợ nề, thợ mộc, thợ hàn, thợ cắt kính, thợ sửa xe, thợ cắt tóc, người chuyên lắp ráp rạp cưới, tổ chức sự kiện, người làm nghề bốc vác, người làm vườn và một số ngành nghề nhu yếu phẩm khác để đảm bảo chính sách hỗ trợ được bao phủ đến mọi đối tượng lao động thực sự gặp khó khăn.

63. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sớm có chính sách hỗ trợ, giúp đỡ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất từ các tỉnh phía Nam về quê hương tránh dịch nhưng vì lý do nào đó không quay trở lại nơi làm việc trước đây mà ở lại địa phương; đặc biệt là giúp họ có cơ hội tìm kiếm việc làm ngay tại quê hương.

15. Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông

64. Hiện nay trên các trang mạng xuất hiện rất nhiều thể loại game online, đây là một trò chơi đem lại lợi nhuận cho nhà mạng nhưng lại rất nguy hiểm cho trẻ em, học sinh, sinh viên (thậm chí đối với cả người lớn), vì các loại trò chơi này gây nghiện, dẫn đến việc học sinh, sinh viên bỏ học để lao vào các trò chơi; đặc biệt, có nhiều trò chơi thiếu lành mạnh, kích động bạo lực, dâm ô, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tư tưởng, tâm sinh lý lứa tuổi, lâu dần làm cho trẻ hư hỏng, băng hoại đạo đức, lối sống và sa vào các tệ nạn xã hội. Cử tri đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để quản lý chặt chẽ các loại game online hiện nay.

16. Đối với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

65. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài nên các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình phần lớn gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh; theo đó, nhiều lao động là đoàn viên công đoàn bị mất việc hoặc thiếu việc làm thường xuyên, ảnh hưởng đến việc trích nộp đoàn phí công đoàn chưa đúng quy định. Vì vậy, cử tri đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN tạo điều kiện giúp đỡ LĐLĐ tỉnh Quảng Bình được miễn, giảm đoàn phí công đoàn các quý 1,2,3/2021 để miễn giảm thu đoàn phí từ người lao động.

66. Nhiều gia đình công nhân lao động là đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, lại bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên không đủ điều kiện mua sắm máy tính hoặc các thiết bị cho con học trực tuyến. Theo đó, cử tri đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN quan tâm có chính sách hỗ trợ các gia đình công nhân lao động là đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về máy tính, hoặc các thiết bị điện tử như điện thoại thông minh để trang bị cho con cái học tập trực tuyến.

67. Đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN nghiên cứu tìm, huy động nguồn vốn và có chính sách hỗ trợ xây chung cư cho người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất không có điều kiện làm nhà ở, kết hợp đầu tư xây dựng khu sinh hoạt văn hóa cộng đồng để chăm lo đời sống tinh thần cho đoàn viên, người lao động.

Trên đây là tổng hợp ý kiến cử tri trước kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH
- UBTWMTQ Việt Nam
- Thường trực Tỉnh ủy QB
- Ban Công tác ĐB, Ban Dân nguyện UBTWQH;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh QB;
- Các vị ĐBQH thuộc Đoàn QB;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TX, TP;
- Vụ Tổng hợp, Trung tâm TT VPQH;
- Lãnh đạo và chuyên viên VP;
- Lưu: VT, DNTT.

PH

KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Nguyễn Minh Tâm